TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐP** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều
Ông Bùi Văn Độ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 28/7/1996; Nơi ĐKHK: Thôn ĐTh, xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Đội 5, thôn TN, xã DL, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn ĐTh, xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Bà Trương Thị T, sinh năm 1976; Có mặt.
Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; Xin vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Đội 5, thôn TN, xã DL, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội.
Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971;
Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1966;
Cùng địa chỉ: Thôn ĐTh, xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Ông Th1 và bà S đều xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã DL, huyện HĐ vào ngày 05/8/2013. Anh chị có khoảng thời gian vài tháng

tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh Th sinh sống cùng bố mẹ anh Th đến năm 2015 thì ăn riêng, độc lập về kinh tế. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th chơi bời, khi anh Th đi làm công ty và có người con gái khác, chị nói chuyện thì anh Th không chấm dứt mà vợ chồng còn cãi nhau. Mặt khác, trong cuộc sống hàng ngày anh Th cũng không hề quan tâm đến gia đình nên vợ chồng ít khi tâm sự hay nói chuyện được với nhau. Đến đầu năm 2020, anh Th đuổi chị nên chị đã chuyển ra ngoài thuê nhà gần nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã DL, huyện HĐ để sinh sống. Chị và anh Th sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh Th chưa một lần nào nói chuyện về việc đoàn tụ. Anh Th cũng không xuống nhà chị hay tìm gặp chị. Lần gần nhất mà chị và anh Th nói chuyện với nhau là qua điện thoại cách thời điểm chị gửi đơn ly hôn đã nhiều tháng. Xét thấy tình cảm giữa chị và anh Th không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị đề nghị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thương Th2, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Nguyễn Nhật Lam Gi, sinh ngày 19/10/2014. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu Lam Gi và không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản, nợ chung: Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau có phát sinh tài sản chung và nợ chung nhưng ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn và chung sống đúng như chị H đã trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H đi làm spa ở gần nhà nhưng buổi trưa, có khi cả tối cũng không về, anh không bảo được chị H nên vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn và không nói chuyện với nhau. Khi tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau nên khi anh đi làm công ty được người con gái khác quan tâm thì anh có phát sinh tình cảm. Từ đó vợ chồng anh chị mặc dù sinh sống cùng nhau nhưng không quan tâm gì đến nhau nữa. Đến tháng 01 năm 2020, anh không đuổi nhưng chị H chuyển ra ngoài sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau khi chị H bỏ đi thì anh cũng chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ kia. Trong thời gian sống ly thân, anh không đến tìm chị H để vợ chồng nói chuyện mà chỉ nói chuyện qua điện thoại được vài lần, nhưng mỗi lần nói chuyện chỉ được vài câu là lại cãi nhau, lần gần đây nhất anh chị gặp nhau và nói chuyện với nhau là khi Tòa án mời đến để giải quyết vụ án. Từ đó đến nay anh chị cũng không nói chuyện với nhau về việc đoàn tụ vợ chồng. Chị H đề nghị ly hôn, anh thừa nhận anh không còn tình cảm với chị H nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thương Th2, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Nguyễn Nhật Lam Gi, sinh ngày

19/10/2014. Nếu vợ chồng ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản, nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh tài sản chung và nợ chung nhưng do chị H không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, ông Th1 và bà S trình bày: Về quan hệ hôn nhân của chị H và anh Th, do anh chị đã trưởng thành anh chị tự quyết định. Bố, mẹ hai bên không can thiệp. Về số nợ anh, chị vay để mua sắm tài sản, bà T, ông Th1 và bà S đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H trình bày, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Th. Về quyền nuôi con, chị trình bày, khi chị chuyển ra ngoài sống ly thân với anh Th chị đã đưa cả hai con đi cùng chị. Một mình chị chăm sóc hai con khoảng 2 năm cho đến khi dịch covid ổn định và các cháu đi học trở lại. Khi chị gửi đơn ly hôn thì anh Th đón cháu Thương Th2 về nuôi. Khoảng tháng 7 năm 2022, trong quá trình Tòa án đang giải quyết, anh Th xin đón cháu Lam Gi về chơi sau đó thì không cho chị đón về nữa. Từ đó cả hai con đều ở cùng với anh Th. Trong quá trình hai con ở cùng anh Th, anh Th không cho chị thăm, đón con. Vì vậy, chị đề tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Lam Gi và đồng ý để anh Th được nuôi cháu Nguyễn Thị Thương Th2, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết chị đã rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến tài sản, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Th trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị H vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và muốn vợ chồng làm lại từ đầu để các con có bố, có mẹ. Tuy nhiên, anh không có cách nào để vợ chồng quay lại chung sống vì hiện tại cả hai không nói chuyện được với nhau. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được quyền nuôi cả hai con chung và không đồng ý cho chị H nuôi con vì chị H làm spa không có thời gian chơi với con, để con chơi một mình. Nếu anh được quyền nuôi con, anh cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cho anh. Anh cũng không đề nghị giải quyết về tài sản, nợ chung.

Bà T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyện vọng của chị H về quyền nuôi con. Hiện nay chị H đang sống gần vợ chồng bà nên nếu chị H được nuôi con ông, bà cũng hỗ trợ được chị H trong việc chăm sóc cháu. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của anh chị có liên quan đến bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn Th. Về con chung, giao chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật Lam Gi. Anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thương Th2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về tài sản: các đương sự đều không đề nghị xem xét nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn Th có địa chỉ tại thôn ĐTh, xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Th1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đầy đủ, hợp lệ và có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã DL, huyện HĐ, Thành phố Hà Nội vào ngày 05/8/2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 1 năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Chị H xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án anh Th trình bày tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì nghĩ đến các con. Tại phiên tòa anh Th trình bày anh còn tình cảm với chị H và muốn làm lại từ đầu nhưng anh cũng thừa nhận hiện tại vợ chồng không nói chuyện được với nhau, anh cũng không có cách nào để khiến chị H quay về chung sống cùng anh. Hội đồng xét xử xét thấy: khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, cả chị H và anh Th đều không tích cực hàn gắn tình cảm gia đình, để mặc cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân thời gian dài. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Tuy anh Th không muốn ly hôn nhưng bản thân anh cũng thừa nhận vợ chồng không nói chuyện được với nhau, anh không có cách nào để chị H đồng ý tiếp tục chung sống với anh. Điều đó cho thấy,

mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H với anh Nguyễn Văn Th.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thương Th2, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Nguyễn Nhật Lam Gi, sinh ngày 19/10/2014. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu Lam Gi, anh Th có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng 02 con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quyền yêu cầu được nuôi con của chị H và anh Th là chính đáng. Bản thân chị H và anh Th đều có sức khỏe, có công việc tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và nuôi con. Khi ly thân, chị H đã tự mình chăm sóc cả hai con. Anh Th mới chỉ đón cháu Th2 về nuôi một thời gian sau đó tiếp tục đón cháu Gi về nuôi trong khi chị H đang nuôi con. Sau khi đón con về nuôi, anh Th không tạo điều kiện để chị H thăm nom con, điều đó đã cản trở quyền làm mẹ hợp pháp của chị H. Do đó, mặc dù cả cháu Th2 và cháu Gi đều có nguyện vọng muốn ở cùng với anh Th nhưng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị H, đồng thời chia sẻ trách nhiệm của anh, chị đối với các con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử thấy giao cho chị H và anh Th mỗi người nuôi một con là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do cháu Gi còn nhỏ nên sẽ giao cho chị H nuôi. Anh Th sẽ được quyền nuôi cháu Thương. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn rút yêu cầu chia tài sản. Tại phiên tòa, chị H vẫn không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Anh Th, bà T, ông T1, ông Th1 và bà S đều không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H về phần tài sản.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thương Th2, sinh ngày 17/7/2013 và cháu Nguyễn Nhật Lam Gi, sinh ngày 19/10/2014. Giao cháu Nguyễn Nhật Lam Gi cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi; giao cháu Nguyễn Thị Thương Th2 cho anh Nguyễn Văn Th nuôi cho đến khi cháu Gi và cháu Thương đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Do các đương sự đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002796 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Trả lại chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 6.700.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- UBND xã DL, huyện HĐ, TP Hà Nội;(ĐKKH số 88/2013)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.